

CẢM THỨC HIỆN SINH TRONG TIỂU THUYẾT DƯ HOA

Nguyễn Thị Hoài Thu

Khoa Sư phạm Ngữ văn, Trường Đại học Vinh

Tóm tắt. Từ nỗi ám ảnh về cái chết, tiểu thuyết Dư Hoa thể hiện rõ cảm thức hiện sinh. Trước cuộc đời phi lí và hư vô, nhân vật của ông là những bản thể cô đơn tuyệt đối nhưng luôn trân quý mạng sống của mình. Khi cái phi lí lên ngôi, sự hiện tồn của con người bị đe dọa nghiêm trọng, tiểu thuyết của Dư Hoa là tiếng kêu nhằm cứu lấy sự tôn nghiêm của con người và là nỗ lực lí giải căn nguyên của cái phi lí. Qua đó, ông thể hiện một niềm tin vào sức mạnh đến từ bản năng sinh tồn và tình yêu thương của con người.

Từ khóa: Dư Hoa, văn học Trung Quốc, chủ nghĩa hiện sinh.

1. Mở đầu

“Con người ta vì bản thân sự sống mà sống, chứ không phải vì bất cứ vật nào ngoài sự sống” [5;tr.191]. Trong “một thời đại mất Chúa” (Kierkegaard), đáp lại “lời kêu gọi của con người” chỉ là “sự im lặng của cuộc đời” (A. Camus), nhân vật thuộc thế giới nghệ thuật của Dư Hoa đã lấy hiện hữu làm cứu cánh cuối cùng, xem đó là mục đích cao cả nhất của đời người. Đây chính là quan niệm mang đậm màu sắc hiện sinh được thể hiện xuyên suốt trong các sáng tác của nhà văn Trung Quốc độc đáo này.

Trưởng thành trong phong trào tiểu thuyết Tiên phong những năm 80 của thế kỉ trước, Dư Hoa được biết đến bởi những cách tân quyết liệt trong kĩ thuật viết. Đặc biệt từ thập niên 1990 đến nay, nhà văn đã đạt được những thành tựu mới với những bộ tiểu thuyết dài hơi. Mấy năm gần đây, tên tuổi Dư Hoa bước đầu thu hút sự chú ý của các nhà nghiên cứu Việt Nam. Liên quan đến đề tài, Nguyễn Thị Hường với *Giọng điệu tự sự trong tiểu thuyết "Huỳnh đệ" của Dư Hoa* của [7], Nguyễn Thị Tịnh Thy với *Trò chơi trong tiểu thuyết Huỳnh đệ của Dư Hoa* [8] đã chỉ ra sự hỗn loạn, chết chóc như một đặc thù trong thế giới nghệ thuật của nhà văn. Tuy nhiên, các nghiên cứu trên chỉ đi vào một tác phẩm cụ thể mà chưa có cái nhìn bao quát toàn bộ sự nghiệp của tác giả. Hơn nữa, các biểu hiện của chủ nghĩa hiện sinh trong tiểu thuyết Dư Hoa cũng chưa được trực tiếp bàn đến. Bài viết này chúng tôi chủ yếu dựa trên những ám ảnh của nhà văn về cái chết để khám phá cái nhìn mang dấu ấn hiện sinh. Dư Hoa đã triển khai tinh thần của chủ nghĩa hiện sinh trên nền tảng văn hóa Trung Quốc khiến tiểu thuyết của ông kì dị mà giản dị, hiện đại nhưng cũng rất mực truyền thống.

Ngày nhận bài: 15/3/2017. Ngày sửa bài: 2/7/2017. Ngày nhận đăng: 10/12/2017.

Liên hệ: Nguyễn Thị Hoài Thu, e-mail: hoaithukv@gmail.com.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Nỗi ám ảnh về cái chết – tiền đề của cảm thức hiện sinh

Có thể khẳng định, trước khi tiếp nhận tư tưởng triết học của Tây phương cũng như chịu ảnh hưởng của các nhà văn nước ngoài như F. Kafka hay Y. Kawabata, cái nhìn hiện sinh của Dư Hoa được khởi nguồn từ kinh nghiệm cá nhân. Sinh năm 1960, nhà văn đã lớn lên trong những ngày tháng bạo lực kinh hoàng của Cách mạng văn hóa. Mặt khác, bố làm bác sĩ, hơn mười năm sống trong khu tập thể bệnh viện, nhiều lần nhà văn đã nhìn thấy những xô vãi, quần áo hay găng tay đẫm máu. Đặc biệt, ở đối diện với nhà xác, Dư Hoa đã lớn lên cùng tiếng khóc đau khổ khi người ruột thịt qua đời. Thậm chí, trong những ngày oi nóng của mùa hè, cậu bé Dư Hoa đã vào nhà xác, nằm ngủ trưa trên chiếc giường xi măng của người chết để cảm nhận “hơi thở tươi mát của nhân gian” [6]. Tất cả những trải nghiệm đó của thời niên thiếu khiến Dư Hoa nhạy cảm đặc biệt về cái chết và sự hiện hữu của con người. Có thể nói, nếu tư tưởng hiện sinh ở Jaspers được bắt nguồn từ một tri nhận về sự mong manh của thể tính, ở Heidegger là “bước tới sự chết”, ở Sartre là kinh nghiệm về trạng thái buồn nôn thì ở Dư Hoa là *kinh nghiệm về bạo lực, về tính định mệnh của cái chết và sự mong manh của phận người*. Những kinh nghiệm mang tính cá nhân đó có ý nghĩa giúp các nhà hiện sinh ý thức về mình, về sự tồn tại và giới hạn của bản thể. Với Dư Hoa, kinh nghiệm đó đã lặn vào tiềm thức để rồi hiện hình trên từng trang viết thành những biểu hiện của các trạng thái hiện sinh.

Từ rất sớm, trong các sáng tác, Dư Hoa đã thể hiện một nỗi ám ảnh mạnh mẽ đối với cái chết. Viết về cái chết thực sự trở thành “niềm đam mê”. Trong công trình *Dư Hoa bình truyện* (2005), nhà phê bình văn học Hồng Trị Cương đã chỉ ra: chỉ với tám truyện ngắn của Dư Hoa viết từ năm 1986 đến 1989, người chết phi tự nhiên lên đến con số hai mươi chín! [dẫn theo 6]. Theo thống kê của chúng tôi, các tiểu thuyết viết trong thập niên 90 thế kỉ XX: *Gào thét trong mưa bụi*, *Chuyện Hứa Tam Quan bán máu*, *Huynh đệ*, số nhân vật chết lần lượt là mười sáu, năm, tám. Riêng tác phẩm *Sống*, số nhân vật chết lên đến mấy ngàn người. Trong các truyện ngắn, truyện vừa của Dư Hoa sáng tác ở khoảng những năm 1980, cái chết dày đặc của các nhân vật thường là hệ quả của bạo lực đẫm máu. Nhà văn dùng bút pháp lạnh lùng để miêu tả khiến những cái chết hiện lên hết sức tàn nhẫn, u ám, không ít lần khiến người đọc phải rùng mình. Viết về cái chết, Dư Hoa chủ yếu hướng đến phơi bày cuộc sống bi thảm của con người trong một môi trường đầy bất trắc và lộn xộn mặt trái của nhân tính. Từ những năm 1990, với dấu mốc quan trọng là tiểu thuyết *Gào thét trong mưa bụi* (1991), Dư Hoa chuyển đổi bút pháp, chủ yếu kiếm tìm và tôn vinh các giá trị nhân văn. Những viên gạch cũ vẫn được sử dụng nhưng ngôi nhà mới đã được dựng lên bằng một thiết kế mới với những ý tưởng và chiều sâu mới.

2.2. Những bản thể cô đơn trong cuộc đời phi lí và hư vô

Cuộc đời con người là hành trình tiến dần đến huyệt mộ. Trước sự sinh – diệt mang tính định mệnh đó, con người miệt mài truy tìm ý nghĩa cho hiện hữu. Để rồi cuối cùng họ lại quay trở về với điểm xuất phát và nhận ra rằng: “Thật phi lí chúng ta sinh ra, thật phi lí chúng ta chết đi” (J.P.Sartre). Phi lí và hư vô trở thành âm điệu chủ đạo, cũng là cái nhìn mang đậm triết lí hiện sinh trong các sáng tác của Dư Hoa.

Bản chất hư vô và phi lí của cuộc đời hiện hình rõ nét qua cái chết. Trên từng trang viết của nhà văn Chiết Giang, cái chết bộc lộ tất cả sức mạnh hủy diệt của nó. Tuyệt nhiên, nó chưa bao giờ được nhà văn thi vị hóa. Không có tài tử giai nhân vì lí tưởng, vì tình yêu bất thành mà quyên sinh. Không có những bậc anh hùng tử vì đạo. Cũng không có kẻ xấu bị trừng phạt bằng kết cục

bi thảm. Cái chết trong sáng tác Dư Hoa hết sức trần trụi, mang hơi thở của cuộc sống hiện sinh. Sự kết thúc một chu trình sống ấy có thể đến với bất cứ ai và bất cứ lúc nào. Đó có thể là cái chết tuân theo quy luật sinh lão bệnh tử như cụ nội và mẹ của Tôn Quang Lâm (*Gào thét trong mưa bụi*), mẹ của Phú Quý (*Sống*), ông nội của Hứa Tam Quan (*Chuyện Hứa Tam Quan bán máu*), ông nội của Tống Cương (*Huỳnh đệ*). Có cái chết do tự vẫn khi con người đi đến bước đường cùng như Vương Lập Cường (*Gào thét trong mưa bụi*), Xuân Sinh (*Sống*), Tống Cương (*Huỳnh đệ*). Trong tiểu thuyết của Dư Hoa, cái chết thường bất ngờ ập đến: Tôn Quang Lâm bị đuối nước ở trên sông; Tôn Quảng Tài say rượu sẩy chân chết đuối dưới hồ phân; Tô Vũ vỡ mạch máu não; mẹ Tôn Hữu Nguyên bị chó hoang ăn thịt (*Gào thét trong mưa bụi*); ông Toàn bị đạn lạc trên chiến trường; Long Nhị bị xử tử trong Cách mạng văn hóa; Hữu Khánh bị rút cạn máu; Nhị Hỷ bị bê tông chẹt (*Sống*); Tống Phàm Bình bị đánh cho đến chết; Tôn Vĩ bị tông đờ cắt phải động mạch chủ (*Huỳnh đệ*)... Chính cái chết sẽ lựa chọn ai và quyết định nó sẽ như thế nào.

Giữa cuộc đời phi lí và thiếu hụt điểm tựa ấy, con người là một bản thể bơ vơ, cô đơn đến tuyệt đối. Mở đầu *Gào thét trong mưa bụi* là kí ức u ám của “tôi” thuở còn là một đứa trẻ lên sáu. Trong khoảng mờ nhòe của kí ức, hiện lên nỗi sợ hãi vô cùng đối với cái chết. Người đàn ông với “ánh mắt sắc như dao” mặc “chiếc áo đen to rộng bị gió thổi hất tung kêu lật phật” [3;tr.19] tựa hình ảnh của thần Chết. Trong ấn tượng của “tôi”, âm thanh lật phật của chiếc áo là sự giao tiếp bí ẩn, cũng là duy nhất, đối với tiếng gào khóc bơ vơ cô độc của một người đàn bà xa lạ trong đêm tối mịt mù mưa. Cô đơn đã làm bạn với cái chết. Đó là hai người bạn chung thủy, cũng là nỗi ám ảnh muôn đời của con người. Mỗi đêm, cậu bé sáu tuổi lại sợ tiếng gào khản đặc của người đàn bà, nhưng cậu còn sợ cái chết hơn. Cậu “sợ sẽ như người đàn ông xa lạ, một khi ngủ say là mãi mãi không tỉnh dậy nữa” [3;tr.20]. Thế nên mỗi lần đối diện với giấc ngủ đêm, “tôi” lại một mình đánh vật, chống chọi với nó. Nhưng “bàn tay chắc nịch của nó cứ lôi tôi xềnh xệch”. Từ trong vô thức, cậu bé đã cảm nhận sâu sắc sức mạnh thống trị của sự cô độc và hư vô. Chiến đấu với nó, con người chỉ là thực thể hết sức bé nhỏ và yếu ớt.

Những cái chết với nhiều cách thể khác nhau xâm chiếm thế giới *Gào thét trong mưa bụi*, mang theo nỗi cô đơn khôn cùng. Có cái chết để lại cho người còn sống sự trống trải không gì có thể bù đắp. Sự ra đi của những nhân vật này không được Dư Hoa miêu tả cụ thể nhưng khoảng trống trống mà họ để lại hiện hữu hết sức rõ ràng. Quốc Khánh sớm mất đi người mẹ và những người anh em ruột thịt hay Tôn Quang Lâm mất đi người bố nuôi Vương Lập Cường đều là những đứa trẻ đánh mất tuổi thơ. Hay với bà già mặc áo đen, bà hoàn toàn sống trong thế giới của những người đã khuất. Đối với những nhân vật này, cái chết của những người thân dường như đã cắt đứt mọi mối liên hệ với cuộc sống của họ, khiến họ trở thành những cái tôi cô đơn, xa lạ với xung quanh.

Có cái chết lại cô độc như chính sự cô độc của con người trên cõi đời. Đó là cái chết đầy tuyệt vọng của Tô Vũ. Khi chấp chới trên ranh giới của sự sống và cái chết, cậu chứng kiến sự bỏ mặc, vô tâm của bố mẹ và người em trai. Cái tên Tô Vũ còn nhắc ta nhớ đến truyền thuyết về chàng Tô Vũ năm xưa - một nhà ngoại giao đời Hán đã dùng mao tiết (vốn là cây gậy biểu thị cho quyền lực) để chặn dê, cả cuộc đời chống chọi với nỗi cô đơn không biết đến ngày kết thúc trên thảo nguyên rộng lớn. Cuộc đời ngắn ngủi của nhân vật Tô Vũ thực chất chỉ là sự tiếp nối kiếp đời cô đơn dằng dặc mà loài người đã trải qua hàng chục thế kỉ. Hay Vương Lập Cường và anh trai của Lưu Tiểu Thanh cũng là hai phận người đơn độc trong nhân loại này. Hai con người, khác xa nhau về hoàn cảnh nhưng giống nhau ở chỗ trước khi chết, đều tha thiết mong có thêm một cơ hội được sống nhưng bị những người xung quanh chối bỏ, đẩy đến bước đường bế tắc. Cái chết đã đón nhận họ như một người bạn chung thủy không bao giờ phản bội con người.

Nhưng cũng có lúc cái chết bỏ quên con người, khiến họ cô đơn trên ranh giới của sự sống

và cái chết. Tôn Hữu Nguyên, sau khi thốt lên “hồn ta đã bay đi” và tuyên bố về cái chết cận kề của mình, đã chờ đợi từng ngày thân Chết mang đi. Nhưng cơn hấp hối kéo quá dài đã khiến ông đã hết sức buồn khổ, bứt rứt và khó chịu. Trong những tháng ngày khắc khoải cuối cùng đó của cuộc đời, Tôn Hữu Nguyên trở thành người thừa, sống bên lề của gia đình, bị con trai Tôn Quảng Tài xỉ vả trên từng miếng ăn. Bà già sống cùng nhà với cậu bé Quốc Khánh lại là người đã từ chối sự sống đích thực và mang nỗi sợ hãi cái chết cũng sẽ từ chối mình. Bị cả sự sống lẫn cái chết vứt bỏ, bà lão cứ lay lắt đếm từng ngày cho đến khi chết bên vệ đường. Nhưng cuộc đời cô độc đến cố chấp của bà già chưa dừng lại ở đó bởi lẽ khi đến với thế giới bên kia, bà lại một mình tiếp tục lần mò và lạc lối trên con đường “dài không đi hết, vừa tối vừa lạnh” [3;tr.315] dưới cõi âm. Đến đây, ta không ngừng tự hỏi không biết bao nhiêu kiếp người đã mòn mỏi trong cuộc độc hành dài lê thê chưa biết đến điểm dừng ấy, và bao nhiêu người đã bỏ cuộc vì không thể một mình trụ vững? Trái với Tôn Hữu Nguyên và bà già mặc áo lụa đen mong chờ cái chết như đích cuối của cuộc đời, Lý Tú Anh lại trốn chạy cái chết, thoi thóp bám lấy sự sống mong manh. Bà sợ gió, sợ bụi, sợ ẩm thấp, sợ bóng tối, quanh quẩn trong căn buồng chật hẹp và lần tìm ánh nắng qua tấm kính cửa sổ. Lý Tú Anh tồn tại như một xác sống vô nghĩa trên cõi đời.

Khi đối diện với cái chết, cảm giác về sự cô độc, bơ vơ, mong manh trên cõi đời càng hiện hình rõ rệt. Thế nhưng, các nhân vật trong tiểu thuyết Dư Hoa không bị quan, chối bỏ cuộc đời. Trước những “tình huống bên bờ vực thẳm” đây bị kịch, họ “dấn thân” và “nhập cuộc” theo cách riêng của mình. Ngay tại đây, chính cái chết lại mang đến sức mạnh cho sự sống. Sở dĩ như vậy vì khi đối diện với định mệnh, con người mới cảm nhận hết được sự khẩn thiết phải sống và hiện hữu, mới thấy được giá trị của sinh mệnh và ý nghĩa của sự sống. Con người cũng nhận ra rằng cơ hội để lựa chọn cách chết là rất hiếm hoi nhưng lại hoàn toàn tự do, chủ động sáng tạo bản thân bằng cách sống. Từ đây, Dư Hoa đã đề xuất một cách ứng xử, cũng đồng thời là một định nghĩa của ông về giá trị của con người.

Đối mặt với định mệnh, nhân vật trong tiểu thuyết Dư Hoa những năm 90 của thế kỉ XX hết sức trân quý mạng sống của mình. Giữa cuộc sống phù du, bất định và đầy rẫy những phi lí, họ chỉ thấy mạng sống là đáng quý, là cái có thực. Mầm mống quan niệm này đã xuất hiện từ *Gào thét trong mưa bụi*, qua lời của cậu bé Tôn Quang Lâm: “trước kia và thực tại tôi đều không phải là hạng người muốn chết vì niềm tin. Tôi tôn thờ tiếng nói của mạng sống chảy trong thân thể mình. Ngoài bản thân, mạng sống của tôi cũng không bao giờ tìm được lí do khác để sống tiếp” [3;tr.359]. Triết lí đó đã được Dư Hoa triển khai qua hai tiểu thuyết tiếp theo.

Tiểu thuyết thứ hai của Dư Hoa có tiêu đề là *Sống*, nhưng chủ đề tiếp tục là cái chết. Từ Phú Quý trải qua cuộc đời đầy đau khổ, tự tay lần lượt chôn cất bảy người thân trong gia đình. Nhân vật còn chứng kiến cái chết của những người bạn. Thậm chí, hơn một lần, Phú Quý đối diện với cái chết của chính mình. Tất cả đều là “số kiếp khó thoát” mà khi đối diện với nó, con người chỉ là một cá nhân hết sức bé nhỏ. Phú Quý dù có vùng vẫy thế nào cũng không thể tránh khỏi. Nhưng nếu so với các nhân vật trong các truyện ngắn giai đoạn trước, khi gặp khổ nạn, không có ngoại lệ, đều rơi vào kết cục là cái chết, thì ở đây Phú Quý tỏ rõ một sức sống dẻo dai, kiên cường, để cuối cùng chinh phục được khổ đau và đạt đến một tinh thần lạc quan. Hình ảnh lão Phú Quý với nụ cười trên khuôn mặt đen sạm trông rất tươi, những nếp nhăn trên mặt uốn lượn một cách vui vẻ, bám đầy bùn đất ở bên trong, trông như những con đường mòn ngang dọc trên đồng ruộng, bình thản bên con trâu già cho thấy Phú Quý đã vượt lên trên tất cả những dự vọng, sân hận của cuộc đời. Phú Quý tựa như lão Santiago (*Ông già và biển cả* - E. Hemingway) cô đơn và già nua vất kiệt hết sức mình để chống chọi với bão tố cuộc đời. Trong cuộc chiến không cân sức ấy, chiến lợi phẩm đạt được chính là sự chịu đựng, vật lộn chiến đấu và sinh tồn. Cũng như huyền thoại Sisyphus, một

cách bi tráng, Phú Quý đã vượt lên trên tất cả những phi lí của cuộc đời để bảo tồn mạng sống của mình. Nhịn chịu và trân quý mạng sống là cách sống cao thượng mà nhân vật này đã lựa chọn để tranh đấu với cái phi lí, vô thường của cuộc đời.

Tiếp nối tinh thần của *Sống*, tiểu thuyết *Chuyện Hứa Tam Quan bán máu* cũng là một “truyện thuyết” về khả năng chịu đựng, vượt qua gian khổ của con người để được sống. Máu tượng trưng cho sự sống. Việc Hứa Tam Quan bán máu thực chất là lấy việc hủy diệt sự sống tự thân để tiếp tục duy trì sự sống. Giống Phú Quý, Hứa Tam Quan liên tục bị cái chết tấn công. Với mười lần bán máu, Hứa Tam Quan đã duy trì mạng sống cho cả gia đình. Đặc biệt, phân đoạn Hứa Tam Quan vượt qua chặng đường ngàn dặm với năm lần bán máu liên tục nhằm lấy tiền chữa trị cho đứa con riêng của vợ đã cho thấy sự kiên cường đấu tranh với số phận cùng tình yêu thương, lòng vị tha của người cha đau khổ này. Vị tha và tràn đầy yêu thương là sức mạnh của Hứa Tam Quan, khiến cho từng giọt máu chảy ra từ huyết quản Tam Quan có giá trị. Vì thế khi về già, ông muốn bán máu để hưởng thụ chút thức ăn ngon đã bị người mua máu xua đuổi, cho rằng máu của ông bây giờ chẳng khác nào máu lợn. Việc bán máu của Hứa Tam Quan mặc dầu phạm vào tội “bán tổ tông” (theo quan niệm truyền thống của người Trung Quốc) nhưng lại vượt lên trên mặc cảm “tội tổ tông” – nỗi mặc cảm khiến loài người hàng bao thế kỉ cúi đầu với thân phận tội lỗi và thấp hèn. Hành động bán máu của Tam Quan bởi thế, thực chất là hành động sáng tạo ra bản thể, đáp ứng những nhu cầu, khát vọng mang tính nhân bản. Nó đã chứng minh cho triết lí giản dị mà cao cả: lòng hi sinh và vị tha khiến con người trở thành thực thể tinh thần cao quý và kiêu hãnh, đứng cao hơn bất cứ sinh vật nào.

Phú Quý cũng như Hứa Tam Quan là hình ảnh bi thảm của con người trước khổ đau và phi lí của cuộc đời. Nhưng họ đã bền bỉ sống bằng ước muốn sinh tồn chất phác, nguyên sơ: “sống vì bản thân sự sống mà sống, chứ không phải vì bất cứ vật nào ngoài sự sống” [5;tr.191]. Chịu đựng hiện thực cuộc sống khiến ta nhàm chán và tầm thường. Nhưng chịu đựng sinh mệnh lại thể hiện một trách nhiệm của cá nhân đối với sự sống cao quý. Từ một Phú Quý bị động chịu đựng cái chết để giữ gìn mạng sống đến một Hứa Tam Quan dùng tình yêu thương chủ động hóa giải cái chết, Dư Hoa đã đi một bước dài trong việc mô tả sức mạnh sinh tồn của con người. Cái chết rõ ràng không hề vô nghĩa, không phải là một kết thúc. Nó thực sự mang lại ý nghĩa cho sự sống. Cái chết có lúc đã khiến lí trí của ta bất lực, ý chí của ta mỗi mòn, tình yêu của ta cạn khô, nhưng cuối cùng chính nó lại làm ta sống mãnh liệt hơn. Cái chết từ biểu tượng của nỗi sợ hãi, của kẻ thù trở thành người bạn của con người. Triết lí đó của Dư Hoa mang tinh thần khai sáng, gập gờ sâu sắc với tư tưởng của nhà thơ Ấn Độ vĩ đại R. Tagore: “Cuộc sống không phải là cái gì bền vững và thường hằng, đó là một phát hiện đau đớn, nhưng lại đem đến cho tôi một cảm giác nhẹ nhàng. . . Cái chết đã đem đến cho tôi một cái nhìn đúng đắn hơn” [dẫn theo 1]. Sự mặc khải đó không thể che chở con người khỏi bất hạnh nhưng lại khiến cho họ can đảm để chấp nhận và hóa giải mọi khổ đau trong cuộc đời. Trong khi nhiều nhà văn cùng thời đang loay hoay với những vấn đề phản ánh và phê phán hiện thực thì Dư Hoa đã chọn cho mình một lối đi riêng. Ông đã từng phát biểu: “Sứ mệnh của nhà văn không phải là trút xả, lên án hay vạch trần, anh ta nên thể hiện, nên trình bày sự cao thượng trước mọi người. Sự cao thượng tôi nói ở đây không phải thứ tốt đẹp đơn thuần, mà là sự siêu nhiên sau khi đã hiểu rõ sự vật, nhìn nhận đối xử như nhau đối với thiện và ác, đánh giá thế giới bằng con mắt đồng tình” [5;tr.190]. Dùng cái chết để tôn vinh sự sống chính là phương thức hữu hiệu để Dư Hoa khẳng định vẻ đẹp của con người và thể hiện một thái độ cao thượng với cuộc đời. Sự hiện diện của cái nhìn này tuyên bố Dư Hoa đã thực sự chuyển từ một nhà văn truy vấn về nhân tính đến một Dư Hoa tin tưởng vào bản chất thiện lương của con người, từ một nhà văn có “thái độ thù địch” với cuộc đời đến một Dư Hoa mang niềm tin trọn vẹn về giá trị của sinh mệnh.

2.3. Nỗ lực cứu lấy sự tôn nghiêm của con người

Đề cao giá trị của sinh mệnh nên khi sự hiện tồn của con người bị đe dọa nghiêm trọng, cảm thức hiện sinh trong tiểu thuyết của Dư Hoa lại càng hiện rõ. *Huynh đệ* là tiếng gào thét nhằm cứu lấy sự tôn nghiêm của con người, đồng thời là nỗ lực lí giải căn nguyên cái phi lí của tác giả.

Huynh đệ là một cuốn tiểu thuyết gây “sốc” bởi một thế giới phi lí đến cùng cực mà ở đó, vấn đề thân phận con người được đặt ra một cách riết róng. Mọi giá trị, chuẩn mực bị đảo lộn. Bạo lực, tiền bạc, tình dục là chủ đề. Lý Trọc – một kẻ chỉ biết đến tiền và đàn bà được mọi người tôn sùng (như họ đã từng tôn sùng Mao Chủ tịch). Những kẻ thọt mù ngổ điếc trở thành nghiên cứu viên cao cấp. Trong cuộc thi người đẹp trình tiết, quán quân là bà mẹ một con và quý quân là một ả đàn bà dâm dăng. Đặc biệt, khắp nơi trong cuộc sống hiện thực đều là Thành lũy và Phán quyết kiểu Kafka. Cái chết luôn rình rập con người. Như con rắn quấn lấy trí não của người đọc sau khi gấp trang sách cuối cùng của *Huynh đệ*, những cái chết thảm khốc thực sự khiến ta bị ám ảnh mạnh mẽ. Đó là Tôn Vĩ gục chết trên “bãi máu đầm đìa”, đầu “lủng lảng như sắp đứt” [4;tr.342], là bố Tôn Vĩ không chịu nổi sự hành hạ về thể xác và cú sốc tinh thần mà đóng đinh vào đầu tự sát. Thê thảm nhất là cái chết của Tống Phàm Bình. Con người Tống Phàm Bình anh hùng, phi phạm trong mọi hành động lúc sống, vậy mà trước khi đi vào cõi chết, linh hồn anh đã bị một đòn chí mạng, trở thành kẻ tội đồ bị xã hội phỉ nhổ. Không chỉ vậy, thể xác anh trước khi vùi xuống đất lạnh cũng không thể vẹn nguyên theo đúng nghĩa đen của nó: cái xác to lớn phải bị “chặt đuôi gối, bẻ cong bắp chân” mới có thể nằm gọn vào trong quan tài. Để vừa vụn vào cái khuôn khổ nhỏ hẹp cuối cùng ấy, sao với Tống Phàm Bình lại khó khăn và đau đớn đến thế! Bi kịch của gia đình họ Tống chưa dừng lại ở đó khi chính người con là Tống Cương cũng trải qua cái chết bi thảm. Cái chết của hai cha con có sự trùng lặp đến kì lạ. Cái chết của Tống Cương như một sự chiếu ứng với cái chết của người cha Tống Phàm Bình. Hai con người, hai thế hệ ở hai thời đại khác biệt nhưng đều chết nơi đầu đường xó chợ: một người chết ở bên xe, một người chết trên đường ray tàu hỏa, hai thân thể bấy nát đó đều được bỏ lên xe bò chở về nhà, nỗi đau đớn cào xé trong tim không thể cất thành lời của Lý Lan khi lau thân thể đầy vết thương của chồng một lần nữa lại được tái hiện nơi Lâm Hồng. Tống Cương không còn sống trong thời kì chém giết đầm máu, không còn bị hành hạ bởi bạo lực nhưng thể xác và tâm hồn anh vẫn bầm dập, nát tan bởi chính sức mạnh ghê của cái xã hội chạy theo dục vọng và đồng tiền. Tự sát chỉ là bước đi cuối cùng của cuộc đời bế tắc. Hóa ra trong xã hội đương đại, tuy không còn bạo lực nhưng khả năng sát thương của nó còn đáng sợ hơn nhiều lần thời đại trước. Những án tử từ trên trời rơi xuống mà con người không thể chống đỡ, thậm chí không thể lí giải. Đó là cái chết của những con người “muốn làm nô lệ nhưng không được”, của những cá thể sinh vật chẳng thể thích nghi với cuộc sống của đồng loại. Và đó đâu đơn giản chỉ là cái chết của thể xác mà chính là sự tận diệt về số phận, về bản thể người. Phút trầm tư của Lý Trọc khi nhìn tro xương của người huynh đệ: “Một cái cây bé tí tẹo đốt thành tro, cũng còn nhiều hơn tro xương của Tống Cương” [4;tr.10] khiến chúng ta xa xót về sự bé nhỏ và vô nghĩa của phận người.

Con người đánh mất bản thể, đánh mất sự hiện tồn của mình trong một lịch sử bạo lực và đầm máu. Sau gần mười năm vắng bóng, Dư Hoa cho ra mắt *Huynh đệ* trước công chúng. Cuốn tiểu thuyết tưởng như là một bước lùi của tác giả. Bởi nó lặp lại những cảnh tượng bạo lực, chết chóc kinh hoàng và phơi bày thú tính tàn ác trong con người của truyện ngắn Dư Hoa những năm 80 của thế kỉ trước. Rõ ràng, nỗi ám ảnh về một thời đại đau thương của Cách mạng văn hóa (1966 - 1976) cũng như sự ráo riết truy tìm căn tính của con người vẫn đeo bám Dư Hoa. Nhưng ở đây, ông không nhìn cuộc sống như một phiến đoạn cắt rời khỏi lịch sử mà có cái nhìn xuyên suốt từ quá khứ đến hiện tại. Viết về hai thời đại nhưng nhà văn kể chung một câu chuyện là lịch sử bạo

lực và thân phận của con người. Bản chất dã man đã ăn sâu vào cốt tủy loài người, chỉ chờ cơ hội thích hợp lại hiện nguyên hình. Khi đối mặt với bạo lực và hỗn loạn, “văn minh”, “nhân nghĩa” chỉ còn là những khẩu hiệu rỗng tuếch. Trong suốt chiều dài lịch sử đó, con người không chỉ là nạn nhân mà chính họ là tội nhân tự làm đau chính mình. Lịch sử không phải là một định mệnh mà tất cả đều do chính con người. Từ những hình phạt man rợ thời trung cổ cho đến một AQ (*AQ chính truyện* – Lỗ Tấn) tự giáng cho mình mấy cái tát nảy lửa rồi lấy làm thỏa mãn, từ người điên hành hạ mình bằng hình phạt tự cắt một phần thân thể trong 1986 (một truyện ngắn của Dư Hoa) đến một thế giới hỗn loạn tự sát thương lẫn nhau trong *Huynh đệ*, ta thấy bản chất dã man của lịch sử dường như chưa bao giờ phai nhạt. Cái chết trong *Huynh đệ* vì thế không chỉ là một thất bại bi thảm tạm thời của cái thiện, một bất công trong cuộc sống mà còn là sự hấp hối của một nền văn hóa. Nhìn rộng ra, chiếm chủ đạo trong lịch sử văn minh của loài người đâu phải chỉ là màu sắc huy hoàng của chiến công cá nhân, mà đó là màu máu, là ám ảnh kinh hoàng của việc dùng bạo lực để trấn áp bạo lực, dùng bạo lực để nắn chỉnh thế giới theo một trật tự nhất định. Ở đó, chính những thân phận bé nhỏ phải gánh chịu nhiều thảm kịch nhất.

Thực chất, *Huynh đệ* là sự nối dài cái nhìn của tác giả ở những năm 1980 về lịch sử văn minh loài người. Nhưng Dư Hoa đã từ bỏ lối viết trừu tượng mà trở về với bối cảnh lịch sử cụ thể nhằm khắc sâu và chứng thực những điều phi lí đã, đang trở thành tất yếu trong cuộc sống. Hơn nữa, *Huynh đệ* đã trình bày một cái nhìn mới về cuộc đời và con người. Việc Dư Hoa để Lý Trọc và Tổng Cương như hai đại diện của nhân tính ác và nhân tính thiện gắn bó với nhau bằng tình huynh đệ mật thiết đã xoa dịu sự xung đột thiện ác, điều này vốn chưa từng xuất hiện trong truyện ngắn Dư Hoa thời kì tiên phong. Trong thế giới tàn nhẫn, đầy tai ương và đổ vỡ này, ta vẫn cảm nhận được hơi ấm tình người đang lan tỏa. Đó là tình vợ chồng, tình phụ tử, tình mẫu tử, tình làng xóm... Dư Hoa đã khơi lên một cảm xúc mang tính người nhất – hi vọng. Đó là thứ neo giữ hồn người, neo giữ cả một nền văn hóa. Ông đã thể hiện một niềm tin về sự cứu chuộc thế giới của nhân tính thiện.

3. Kết luận

Quá trình sáng tác của Dư Hoa là quá trình truy tìm câu trả lời cho các câu hỏi mang tính triết học: Tôi là ai? Ý nghĩa của cuộc sống này là gì? Làm sao để chống lại cái chết? Và ông đã tìm ra chân lí trong sự hiện hữu của con người. Đây không phải là cuộc kiếm tìm liều thuốc tiên giúp con người bất tử mà là công cuộc kiếm tìm và khơi dậy một mãnh lực khiến con người sống đúng nghĩa như một con người. Tác phẩm của Dư Hoa, đặc biệt là những bộ tiểu thuyết từ năm 1990 đến nay đã cho ta thấy quá trình phát triển không ngừng của hành trình tư tưởng khẳng định mãnh lực của hiện hữu đó. Từ cái nhìn về một thế giới đen tối, cùng cực với sự thống trị của cái ác và sự bất lực của cái thiện, Dư Hoa đã tiến tới xây dựng niềm tin vào bản năng sinh tồn, lòng can đảm và tình yêu thương sẽ giúp con người chống chọi lại với bản chất cô đơn và cái phi lí của cuộc đời, để rồi cuối cùng thể hiện một khát vọng mạnh mẽ tái cấu trúc nền văn hóa. Đức tin sẽ luôn là cội nguồn cho những giá trị mới nảy sinh. Hành trình sáng tạo của Dư Hoa vẫn còn ở phía trước. Chúng ta có quyền chờ đợi bước đột phá mới của nhà văn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Văn Hạnh, 2007. *Rabindranath Tagore với thời kì phục hưng Ấn Độ*. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [2] Dư Hoa, 2006. *Chuyện Hứa Tam Quan bán máu*, Vũ Công Hoan dịch. Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

- [3] Dư Hoa, 2008. *Gào thét trong mưa bụi*, Vũ Công Hoan dịch. Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
- [4] Dư Hoa, 2012. *Huỳnh đệ*, Vũ Công Hoan dịch. Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
- [5] Dư Hoa, 2011. *Sống*, Vũ Công Hoan dịch. Nxb văn học, Hà Nội.
- [6] Dư Hoa, 2013. *Trung Quốc trong mười từ vựng*. trieuxuan.info.
- [7] Nguyễn Thị Hường, 2008. "Nghệ thuật tự sự trong tiểu thuyết Huỳnh đệ của Dư Hoa". Luận văn Thạc sĩ, Đại học Sư Phạm Hà Nội.
- [8] Nguyễn Thị Tịnh Thy, 2015. "Trò chơi trong tiểu thuyết Huỳnh đệ của Dư Hoa". Tạp chí Khoa học Đại học Huế, số 06, tr. 169 – 178.

ABSTRACT

Existential consciousness in novels by Yu Hua

Nguyen Thi Hoai Thu

Faculty of Philology Education, Vinh University

Suffering from a phobia about death, novels by Yu Hua profoundly express the existential consciousness. His literary characters, in their adsurb and nihilistic life, find themselves absolutely lonely yet never stop, in the persistent way, treasure their life. While the absurdity dominates, the existence of human is seriously threatened, Yu Hua's novels desperately appeal to save the human dignity and endeavour to explain the root of adsurdity. Thereby, he asserts a belief in power that comes from human's instinct of existence and love.

Keywords: Yu Hua, Chinese literature, existentialism.